

SAFE INJECTION PRACTICES AND ASSOCIATED FACTORS - A CROSS-SECTIONAL STUDY AMONG THIRD- AND FOURTH-YEAR MEDICAL STUDENTS AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY DURING THE 2024-2025 ACADEMIC YEAR

Nguyen Van Tien*, Nham Tien Quynh, Nguyen Thi Huyen, Pham Thi Tho, Dang Thi Hoa,
Nguyen Phuong Thanh, Le Thi Thuy Ha, Pham Quoc Kien, Vu Lan Huong, Johnny Inthavong

Thai Binh University of Medicine and Pharmacy - 373 Ly Bon, Thai Binh City, Thai Binh Province, Vietnam

Received: 19/04/2025

Revised: 29/04/2025; Accepted: 10/05/2025

ABSTRACT

Objectives: To describe the knowledge and practice of safe intravenous injection among third - and fourth - year medical students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy during the 2024 - 2025 academic year and to examine factors associated with their knowledge and practice.

Method: A cross - sectional descriptive study was conducted on 120 medical students undergoing clinical internships at Thai Binh provincial General Hospital from September 2024 to April 2025. Data were collected through questionnaires and direct observations based on Ministry of Health guidelines.

Results: The study showed that 70.8% of students possessed adequate knowledge of safe intravenous injection. However, only 62.5% demonstrated adequate practical performance, and glove usage was particularly low at 39.2%. Several factors were found to be significantly associated with safe intravenous injection practices, including knowledge level - students with adequate knowledge were 6.6 times more likely to perform safely compared to those without. Class level, gender, and nationality were also statistically significant factors ($p < 0.05$).

Conclusion: The findings suggest that enhancing students' knowledge of safe injection practices may positively impact their practical skills. Additionally, greater emphasis should be placed on improving practical competencies, with particular attention to safety measures such as proper glove usage.

Keywords: Safe injection, vein, medical students, practice, knowledge.

*Corresponding author

Email: tiennv@tbump.edu.vn Phone: (+84) 972213609 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD7.2432>

THỰC HÀNH TIÊM TĨNH MẠCH AN TOÀN CỦA SINH VIÊN Y KHOA VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN - MỘT NGHIÊN CỨU CẮT NGANG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM HỌC 2024-2025

Nguyễn Văn Tiến*, Nhâm Tiến Quỳnh, Nguyễn Thị Huyền, Phạm Thị Thơ, Đặng Thị Hoa, Nguyễn Phương Thanh, Lê Thị Thúy Hà, Phạm Quốc Kiên, Vũ Lan Hương, Johnny Inthavong

Trường Đại học Y Dược Thái Bình - 373 Lý Bôn, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/04/2025

Chỉnh sửa ngày: 29/04/2025; Ngày duyệt đăng: 10/05/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức và thực hành về tiêm tĩnh mạch an toàn của sinh viên y khoa năm thứ ba và năm thứ tư tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2024 - 2025 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành về tiêm tĩnh mạch an toàn của sinh viên y khoa tại địa điểm nghiên cứu.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 120 sinh viên y khoa năm thứ ba và năm thứ tư đang thực tập lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025. Dữ liệu thu thập qua bảng câu hỏi và quan sát theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Kết quả: Nghiên cứu cho thấy 70,8% sinh viên có kiến thức đạt về tiêm tĩnh mạch an toàn. Trong khi đó, sinh viên có kiến thức đạt chiếm 62,5% và có tỉ lệ thấp ở sử dụng găng tay (39,2%). Một số yếu tố liên quan đến thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn của đối tượng nghiên cứu là: những người có kiến thức đạt có khả năng thực hành tiêm an toàn cao gấp 6,6 lần so với những người không đạt kiến thức; lớp, giới, quốc tịch đều có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kết quả thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn ($p < 0,05$).

Kết luận: Nghiên cứu hiện tại đã chứng minh rằng việc nâng cao kiến thức cho sinh viên về tiêm tĩnh mạch an toàn có thể có ảnh hưởng tích cực đến việc cải thiện thực hành, đồng thời cần chú trọng vào việc cải thiện kỹ năng thực hành, đặc biệt quan tâm đến các yếu tố đảm bảo an toàn như sử dụng găng tay.

Từ khóa: Tiêm an toàn, tĩnh mạch, sinh viên y khoa, thực hành, kiến thức.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tiêm an toàn là một quy trình tiêm không gây hại cho người nhận, không làm phơi nhiễm người thực hiện, đồng thời không tạo ra chất thải gây nguy hại cho cộng đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, các quy trình tiêm không an toàn vẫn còn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển – nơi mà điều kiện cơ sở vật chất, kiến thức và kỹ năng thực hành của sinh viên y, điều dưỡng còn nhiều hạn chế. Do vậy, tiêm an toàn là một trong những vấn đề đang được quan tâm ở nhiều nước trên thế giới đặc biệt là các nước đang phát triển [1] [2].

Ví dụ, theo kết quả nghiên cứu mô tả cắt ngang, nhằm đánh giá thực trạng tiêm an toàn của sinh viên điều dưỡng chính quy Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

tại bệnh viện năm học 2020 – 2021, kết quả nghiên cứu cho thấy 74% sinh viên không rửa tay thường quy và không sát khuẩn tay lần 1 trước khi tiêm và 77,8%; khi rút thuốc còn chạm tay vào vùng vô khuẩn của bơm tiêm. Một số bước của quy trình sinh viên thực hiện khá và tốt: đâm kim đúng góc độ cho từng kỹ thuật tiêm (74,5%), rút kim nhanh (74,5%), sát khuẩn lại vùng tiêm sau khi tiêm xong (68,5%) [3]. Một nghiên cứu khác cũng theo phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đã được thực hiện trên 100 sinh viên từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2016, tỉ lệ rửa tay, sát khuẩn tay trước khi đưa kim tiêm qua da đạt 26%, chỉ có 49% tỉ lệ sinh viên mang găng đúng khi tiêm, các kỹ thuật tiêm truyền có yêu cầu cao hơn về góc độ và độ sâu còn cần cải thiện và cuối

*Tác giả liên hệ

Email: tiennv@tbump.edu.vn Điện thoại: (+84) 972213609 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD7.2432>

cùng có 26% tỉ lệ sinh viên dùng hai tay đập nắp kim tiêm, có thể gây nên những nguy cơ kim tiêm đâm vào tay và sẽ mắc phải các bệnh truyền nhiễm [4].

Sinh viên y khoa hiện nay chính là nguồn nhân lực quan trọng của ngành y tế trong tương lai. Việc trang bị cho các em kiến thức vững chắc và kỹ năng thực hành đúng quy trình, đặc biệt với các kỹ thuật xâm lấn như tiêm tĩnh mạch, là điều hết sức cần thiết. Nếu không được đào tạo bài bản, sinh viên có thể mang theo thói quen sai lệch vào thực hành nghề nghiệp sau này, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh.

Bên cạnh đó, hiện nay phần lớn các nghiên cứu về tiêm an toàn chủ yếu tập trung vào sinh viên điều dưỡng, trong khi sinh viên y khoa, những người cũng thường xuyên thực hiện kỹ thuật này, lại chưa được khảo sát đầy đủ. Đồng thời, các nghiên cứu hiện có cũng chưa đi sâu vào kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cụ thể, cũng như chưa phân tích mối liên quan giữa kiến thức và thực hành trong quá trình thực tập. Điều này tạo ra khoảng trống trong nghiên cứu và cải tiến chương trình đào tạo.

Trong bối cảnh giáo dục y khoa ngày càng nhấn mạnh đến năng lực thực hành lâm sàng, việc đánh giá đúng thực trạng kỹ năng của sinh viên là cơ sở để các cơ sở đào tạo điều chỉnh chương trình học phù hợp. Khảo sát thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn sẽ giúp nhận diện những điểm còn yếu, từ đó có thể bàn luận và đưa ra các giải pháp giúp cải thiện trình trạng thiết sót tại các vấn đề cần cải thiện.

Chính vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu: Mô tả thực hành về tiêm tĩnh mạch an toàn của sinh viên y khoa năm thứ ba và năm thứ tư Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024 - 2025 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan tại địa điểm nghiên cứu.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là sinh viên y khoa năm thứ ba và năm thứ tư đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: sinh viên y khoa Khóa 51 và Khóa 52 đang học tập tại Thái Bình; có mặt tại thời điểm điều tra; tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- Cỡ mẫu áp dụng công thức ước tính cỡ mẫu cho một tỉ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là tổng số đối tượng cần điều tra; Z là hệ số tin cậy tính theo α , chọn $\alpha = 0,05$ với khoảng tin cậy 95%, có $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; d là sai số tối đa có thể chấp nhận được, chọn $d = 0,1$; p là tỉ lệ sinh viên y khoa có thực hành đạt về tiêm tĩnh mạch an toàn, lấy $p = 0,696$ (là tỉ lệ sinh viên y khoa có thực hành đạt về tiêm tĩnh mạch an toàn trong nghiên cứu của Phạm Thị Vui và cộng sự [6]).

Từ công thức trên, tính được $n = 81$. Thực tế, chúng tôi tiến hành điều tra 120 sinh viên đủ tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện, tất cả sinh viên y khoa thuộc đối tượng nghiên cứu trong thời gian từ tháng 11 năm 2024 đến tháng 04 năm 2025.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

- Công cụ thu thập số liệu là bộ câu hỏi được thiết kế sẵn bao gồm: thông tin chung của đối tượng nghiên cứu, kiến thức của đối tượng nghiên cứu về tiêm an toàn, thực hành của đối tượng nghiên cứu.

- Phương pháp thu thập số liệu:

+ Bước 1: Thử nghiệm và hoàn thiện bộ công cụ.

+ Bước 2: Tập huấn cho điều tra viên.

+ Bước 3: Triển khai thu thập số liệu.

+ Bước 4: Xử lý, phân tích số liệu.

+ Bước 5: Viết báo cáo đề tài.

2.4. Biến số trong nghiên cứu

- Nhóm biến số về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: khóa học, giới tính, quốc tịch.

- Nhóm biến số đánh giá kiến thức, thực hành tiêm an toàn của đối tượng nghiên cứu.

- Nhóm biến số về mối liên quan đến thực hành tiêm an toàn.

2.5. Tiêu chuẩn đánh giá được sử dụng trong nghiên cứu

- Tiêu chuẩn đánh giá về kiến thức: đánh giá kiến thức của đối tượng nghiên cứu bao gồm 32 câu hỏi với tổng số điểm tối đa là 32 điểm. Đối tượng nghiên cứu được đánh giá có kiến thức đạt khi tổng số điểm ≥ 23 và không đạt khi tổng số điểm < 23 .

- Tiêu chuẩn đánh giá về thực hành: đánh giá thực hành của đối tượng nghiên cứu bao gồm 19 tiêu chuẩn theo bảng kiểm, với tổng số điểm tối đa là 19 điểm. Đối tượng nghiên cứu được đánh giá có thực hành đạt khi tổng số điểm ≥ 14 và không đạt khi tổng số điểm < 14 .

2.6. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập, làm sạch và quản lý bằng phần mềm

Epidata 3.1; phân tích bằng phần mềm SPSS 27.0. Thống kê mô tả được trình bày dưới dạng số lượng, tỉ lệ (%), $\bar{X} \pm SD$ với biến tuân theo phân phối chuẩn, trung vị (khoảng) với biến không tuân theo phân phối chuẩn. Thống kê suy luận sử dụng test χ^2 để so sánh sự khác nhau giữa hai tỉ lệ phần trăm. Tính tỉ suất chênh OR để xác định một số yếu tố liên quan.

Kết quả nghiên cứu được coi là có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ mọi quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kiến thức, thực hành của đối tượng nghiên cứu về tiêm tĩnh mạch an toàn

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n = 120)

Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Lớp	Y khoa năm thứ 3	65	54,2
	Y khoa năm thứ 4	55	45,8
Giới	Nam	49	40,8
	Nữ	71	59,2
Quốc tịch	Việt Nam	109	90,8
	Nước ngoài	11	9,2

Kết quả nghiên cứu bảng 1 cho thấy chủ yếu là sinh viên y khoa năm thứ 3 chiếm 54,2%, trong đó giới nữ chiếm ưu thế là 59,2% và 90,8% có quốc tịch Việt Nam.

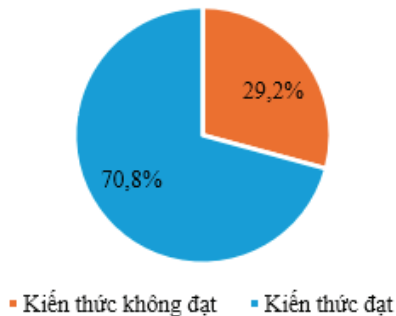
Bảng 2. Kiến thức đúng của đối tượng nghiên cứu về tiêm tĩnh mạch an toàn (n = 120)

Kiến thức	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Sử dụng bơm kim tiêm vô khuẩn, dùng 1 lần là cần thiết cho tiêm	120	100
Quy định bắt buộc phải mang theo hộp thuốc chống sốc mỗi khi đi tiêm thuốc	103	85,8
Trước khi tiến hành tiêm thuốc, sinh viên phải rửa tay hoặc sát khuẩn tay nhanh trước khi tiêm	119	99,2
Bơm tiêm thuốc vô khuẩn chỉ sử dụng 1 lần	118	98,3

Kiến thức	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tiêm thuốc là một kỹ thuật chỉ cần áp dụng phương pháp sạch, không cần tuân thủ nguyên tắc vô trùng tuyệt đối	76	63,3
Khi pha thuốc không chạm ngón tay vào nòng bơm tiêm	112	93,3
Không bắt buộc phải mang găng tay mỗi khi tiêm thuốc	78	65,0
Sát khuẩn vị trí tiêm từ trong ra ngoài theo hình xoay ốc cho đến khi sạch	117	97,5
Rút pít tông kiểm tra trước khi tiêm bắp, tĩnh mạch	113	94,2
Khi tiêm thuốc đảm bảo hai nhanh, một chậm	111	92,5
Không dùng hai tay đẩy nắp kim sau khi tiêm	92	76,7
Phải cô lập ngay bơm tiêm, kim tiêm vào hộp cứng, an toàn	115	95,8
Biện pháp quan trọng để phòng ngừa tổn thương do kim tiêm đâm là: luôn dùng tay đóng lại nắp kim tiêm cẩn thận rồi bỏ vào thùng đựng vật sắc nhọn	29	24,2
Xử lý khi bị kim tiêm hoặc vật sắc nhọn đâm là rửa ngay vùng da bị tổn thương bằng xà phòng và vòi nước, dưới vòi nước chảy, để máu ở vết thương tự chảy, không nặn bóp vết thương	110	91,7
Một trong những mục đích chính của việc sử dụng găng tay là hạn chế vật sắc nhọn xuyên vào tay	42	35,0
Dùng chung bơm kim tiêm cho những loại thuốc khác nhau, cho những người bệnh khác nhau	72	60,0
Lưu kim lấy thuốc trên lọ thuốc	41	34,2
Định nghĩa tiêm an toàn	87	72,5
Mục tiêu quan trọng nhất của tiêm an toàn	77	64,2
Tại sao việc sử dụng lại kim tiêm là hành vi không an toàn	104	86,7
Nguyên nhân cơ bản dẫn tới hành vi thiếu an toàn trong tiêm đối với sinh viên	88	73,3
Trong trường hợp không có găng tay vô trùng, bạn sẽ làm gì trước khi tiến hành tiêm cho người bệnh	107	89,2
Trong quá trình thực hành, các vùng vô khuẩn của bơm kim tiêm	78	65,0
Tuân thủ nguyên tắc khi tiêm thuốc	89	74,2

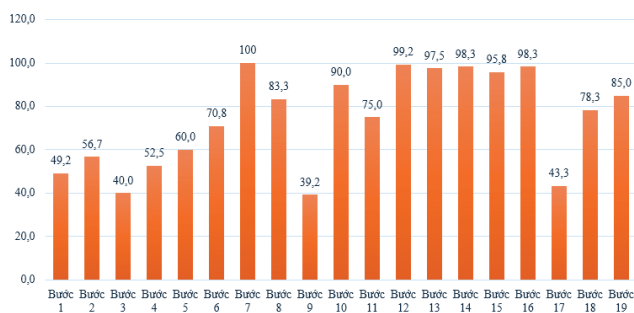
Kiến thức	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Trong quá trình thực hành, bước xử trí đầu tiên khi bị kim đâm	28	23,3
Nhiệm vụ quan trọng nhất của người tiêm	72	60,0
Tại sao phải sát khuẩn vị trí tiêm trước khi tiêm	91	75,8
Những việc cần làm để dụng cụ tiêm không bị nhiễm khuẩn	86	71,7
Tại sao phải xử lý những ống tiêm bị ô nhiễm hoặc đã qua sử dụng	101	84,2
Tại sao phải đảm bảo kim lấy thuốc vô khuẩn	61	50,8
Với các hành vi tiêm không an toàn, những loại nhiễm trùng có thể gây ra	108	90,0
Các loại tai biến tiêm	106	88,3

Bảng 2 của nghiên cứu chỉ ra rằng trên 70% sinh viên đạt kiến thức về tiêm an toàn. Mặc dù vẫn còn một số tiêu chí đạt tỉ lệ thấp, đặc biệt chỉ có 23,3% sinh viên chọn đúng trong quá trình thực hành, bước xử trí đầu tiên khi bị kim đâm.



Biểu đồ 1. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về tiêm tĩnh mạch an toàn (n = 120)

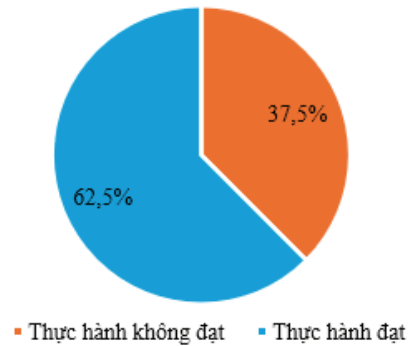
Biểu đồ 1 cho thấy tỉ lệ sinh viên có kiến thức đạt về tiêm tĩnh mạch an toàn là 70,8%.



Biểu đồ 2. Thực hành đạt của đối tượng nghiên cứu về tiêm tĩnh mạch an toàn (%)

Kết quả trong biểu đồ 2 cho thấy hầu hết sinh viên đã thực hiện tốt các bước tiêm tĩnh mạch an toàn, chiếm tỉ lệ trên 70%. Tuy nhiên bước 9: mang găng tay sạch (chỉ

sử dụng găng tay khi có nguy cơ phơi nhiễm với máu và khi da tay của người làm thủ thuật bị tổn thương) chiếm tỉ lệ thấp nhất là 39,2%.



Biểu đồ 3. Thực hành của đối tượng nghiên cứu về tiêm tĩnh mạch an toàn (n = 120)

Biểu đồ 3 cho thấy tỉ lệ sinh viên có kiến thức đạt về tiêm tĩnh mạch an toàn là 62,5%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3. Mối liên quan giữa một số đặc điểm chung với thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung	Thực hành				OR (95%CI)	p
	Không đạt		Đạt			
	n	%	n	%		
Lớp						
Y khoa năm thứ 3 (n = 65)	19	29,2	46	70,8	0,5 (0,2 - 1,0)	0,04
Y khoa năm thứ 4 (n = 55)	26	47,3	29	52,7		
Giới						
Nam (n = 49)	26	53,1	23	46,9	3,1 (1,4 - 6,7)	0,003
Nữ (n = 71)	19	26,8	52	73,2		
Quốc tịch						
Việt Nam (n = 109)	37	33,9	72	66,1	5,2 (1,3 - 20,7)	0,01
Nước ngoài (n = 11)	8	72,7	3	27,3		

Qua bảng 3 cho thấy các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu như lớp, giới, quốc tịch đều có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kết quả thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn ($p < 0,05$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức với thực hành tiêm an toàn của đối tượng nghiên cứu

Thực hành Kiến thức	Không đạt		Đạt		OR (95%CI)	p
	n	%	n	%		
Không đạt (n = 35)	24	68,6	11	31,4	6,6 (28-15,83)	< 0,001
Đạt (n = 85)	21	24,7	64	75,3		

Kết quả ở bảng 4 chỉ ra rằng: OR = 6,6 (95%CI: 2,8 - 15,8), $p < 0,001$. Điều này có nghĩa là những người có kiến thức đạt có khả năng thực hành tiêm an toàn cao gấp 6,6 lần so với những người không đạt kiến thức. Giá trị $p < 0,001$ chứng tỏ mối liên quan này có ý nghĩa thống kê.

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thực hành về tiêm tĩnh mạch an toàn của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên 120 sinh viên y khoa năm thứ ba và năm thứ tư của Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2024 - 2025, trong đó tỉ lệ sinh viên y khoa năm thứ ba chiếm 54,2%, sinh viên y khoa năm thứ tư chiếm 45,8%. Trong số đối tượng nghiên cứu, sinh viên nữ chiếm ưu thế với 59,2%, sinh viên nam có 40,8%; và đa số sinh viên đều có quốc tịch Việt Nam (90,8%), quốc tịch nước ngoài chỉ chiếm 9,2%.

- Về kiến thức: tìm hiểu kiến thức của sinh viên y khoa năm thứ ba và năm thứ tư về tiêm an toàn, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đa số sinh viên có kiến thức đạt (70,8%), kết quả của chúng tôi tương đương với kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Vui và cộng sự: 72% sinh viên Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội đạt kiến thức tiêm tĩnh mạch an toàn [6]. Nghiên cứu này cũng cho kết quả tương đương với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Diễm và cộng sự: 74,7% sinh viên điều dưỡng tại các trường đại học đạt kiến thức tiêm an toàn [5]. Điều này là hợp lý và phù hợp với xu hướng chung của sinh viên y khoa. Kết quả này đã chỉ ra mức độ hiểu biết về tiêm an toàn của sinh viên y khoa không có sự chênh lệch lớn giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu khác nhau, từ sinh viên cao đẳng đến đại học, giữa sinh viên điều dưỡng và sinh viên y khoa. Điều này cho thấy kết quả của nghiên cứu không phải là cá biệt mà có sự tương đồng với các nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực.

- Về thực hành: nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỉ lệ sinh viên thực hành đạt tiêm tĩnh mạch an toàn chiếm 62,5%, còn lại 37,5% sinh viên thực hành không đạt. Một trong những nguyên nhân có thể lý giải về kết quả này là do sinh viên chưa có đủ thời gian thực hành trên mô hình hoặc người bệnh thật, dẫn đến thao tác chưa thuần thục khi tiêm trên người bệnh. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý cũng đóng vai trò quan trọng. Khi thực hành

trên người bệnh thật, sinh viên có thể gặp áp lực tâm lý, dẫn đến căng thẳng, run tay, mất tự tin và thực hiện sai thao tác. Vì vậy, tỉ lệ sinh viên thực hành đạt còn chưa cao. So sánh với các nghiên cứu trước đây, kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Phạm Thị Vui và cộng sự với 69,6% sinh viên Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội thực hiện tiêm tĩnh mạch an toàn [6]. Sự chênh lệch này có thể do khác biệt về chương trình đào tạo, thời lượng thực hành hoặc điều kiện hướng dẫn thực tế. Đáng chú ý, nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Diễm và cộng sự trên đối tượng sinh viên điều dưỡng cho kết quả tỉ lệ sinh viên thực hành đạt lên đến 87,3%, cao hơn so với nghiên cứu của chúng tôi [5]. Sự khác biệt này có thể do sinh viên điều dưỡng, do đặc thù ngành học, có nhiều thời gian và cơ hội thực hành trên người bệnh thật hơn so với sinh viên y khoa cũng như các nhóm ngành khác. Ngoài ra, một nghiên cứu khác do Trần Thị Lý và cộng sự thực hiện năm 2021 trên nhân viên y tế tại Bệnh viện Mắt Trung ương cho thấy, tỉ lệ nhân viên y tế thực hành đạt tiêm tĩnh mạch an toàn lên đến 96,4% [7]. Kết quả này cao hơn rất nhiều so với nghiên cứu của chúng tôi, phản ánh yếu tố kinh nghiệm và thực hành thường xuyên đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao kỹ năng tiêm tĩnh mạch. Nhân viên y tế có cơ hội thực hành thường xuyên trên người bệnh thật, giúp họ cải thiện kỹ năng và thao tác chính xác hơn. Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu. Các yếu tố như thời gian thực hành, mức độ tiếp xúc với người bệnh thật, chương trình đào tạo và tâm lý khi thực hành có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả nghiên cứu.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về tiêm tĩnh mạch an toàn của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này của chúng tôi phát hiện ra một số yếu tố có liên quan đến thực hành về tiêm an toàn của đối tượng nghiên cứu. Các yếu tố này bao gồm: lớp, giới và quốc tịch.

Mối liên quan giữa lớp và thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn: sinh viên y khoa năm thứ 3 có tỉ lệ đạt thực hành an toàn là 70,8%, trong khi 29,2% không đạt (OR = 0,5; 95%CI: 0,2 - 1,0; $p = 0,04$). Điều này cho thấy sinh viên năm 3 có khả năng đạt thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn thấp hơn so với nhóm sinh viên năm 4, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Giải thích cho điều này là do sinh viên y khoa năm 3 có thể cần nhiều hơn sự hướng dẫn và thực hành để nâng cao kỹ năng tiêm tĩnh mạch an toàn.

Về yếu tố giới tính: nam giới có tỉ lệ đạt thực hành an toàn 46,9%, trong khi nữ giới là 73,2% (OR = 3,1; 95%CI: 1,4 - 6,7; $p = 0,003$). Điều này cho thấy nữ giới có khả năng đạt thực hành an toàn cao hơn nam giới khoảng 3,1 lần, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Có thể giải thích rằng nữ giới có tính cẩn thận, tỉ mỉ hoặc kỹ năng thao tác tốt hơn so với nam giới.

Yếu tố quốc tịch cũng cho thấy sự khác biệt rõ rệt: sinh viên Việt Nam có tỉ lệ đạt 66,1%, trong khi sinh viên nước ngoài chỉ có tỉ lệ đạt 27,3% (OR = 5,2; 95%CI:

1,3 - 20,7; $p = 0,01$). Điều này cho thấy sinh viên nước ngoài có khả năng đạt thực hành an toàn thấp hơn sinh viên Việt Nam, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Nguyên nhân có thể do rào cản ngôn ngữ, thời gian thực hành và kỹ năng thực hành.

Kết quả này chỉ ra rằng các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, bao gồm lớp, giới, và quốc tịch đều có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kết quả thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn ($p < 0,05$).

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên đạt kiến thức về tiêm an toàn sẽ đạt thực hành tiêm an toàn cao hơn gấp 6,6 lần so với sinh viên có kiến thức không đạt. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của của Nguyễn Ngọc Diễm và cộng sự với tỉ lệ sinh viên đạt kiến thức tiêm an toàn thực hiện được mũi tiêm an toàn cao gấp 7,36 lần so với sinh viên không đạt kiến thức tiêm an toàn. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ [5]. Kết quả của chúng tôi cũng tương đương với nghiên cứu của Phạm Thị Vui và cộng sự: sinh viên đạt kiến thức tiêm an toàn thực hiện được mũi tiêm an toàn cao gấp 8,67 lần so với sinh viên chưa đạt kiến thức về tiêm an toàn, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$ [6]. Các nghiên cứu trên đều khẳng định rằng kiến thức về tiêm an toàn đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện khả năng thực hành tiêm an toàn của sinh viên. Sự khác biệt giữa các nghiên cứu về tỉ lệ OR có thể phản ánh sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu, điều kiện khảo sát hoặc phương pháp đánh giá kiến thức. Tuy nhiên, tất cả các nghiên cứu đều chỉ ra rằng việc nâng cao kiến thức về tiêm an toàn có thể làm tăng đáng kể khả năng thực hành tiêm an toàn, từ đó góp phần giảm thiểu rủi ro trong quá trình tiêm.

5. KẾT LUẬN

Tỉ lệ sinh viên đạt kiến thức tiêm an toàn khá cao nhưng tỉ lệ sinh viên thực hành đạt còn thấp. Điều này thể hiện sinh viên y khoa tham gia nghiên cứu đã được trang bị kiến thức và tuân thủ quy định tiêm an toàn tốt khi đi thực tập lâm sàng, nhưng vẫn chưa ý thức được tầm

quan trọng của tiêm an toàn. Nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên có kiến thức đạt ảnh hưởng đến thực hành tiêm an toàn. Vì vậy, cần có các buổi dạy nhắc lại để giúp sinh viên củng cố kiến thức và nâng cao thái độ, kỹ năng thực hành tiêm an toàn tốt trước khi đi thực tập ở các bệnh viện, góp phần cải thiện tình trạng tiêm an toàn chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] WHO. WHO best practices for injections and related procedures toolkit, 2010.
- [2] WHO. Aide-mémoire for a national strategy for the safe and appropriate use of injections, 2003.
- [3] Nguyễn Thị Anh Thư, Đỗ Thị Tuyết Mai. Thực hành tiêm an toàn của sinh viên hệ điều dưỡng chính quy Trường Đại học Y dược Hải Phòng năm học 2020-2021. Tạp chí Y học Dự phòng, 2022, 32 (5), tr. 183-190.
- [4] Đinh Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Minh Chính, Trần Thu Hiền và cộng sự. Thực trạng tuân thủ tiêm của sinh viên đại học chính quy Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2018, 1 (1), tr. 83-88.
- [5] Nguyễn Ngọc Diễm, Vũ Thị Tuyết, Trần Thị Thuận và cộng sự. Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành về tiêm an toàn của sinh viên điều dưỡng tại các trường đại học, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 526 (số chuyên đề), tr. 69-75.
- [6] Phạm Thị Vui, Nguyễn Thị Nguyệt, Đặng Thị Anh. Kiến thức, thái độ và thực hành tiêm tĩnh mạch an toàn của sinh viên Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội năm 2021-2022, Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2022, 5 (04), tr. 13-23.
- [7] Trần Thị Lý, Lê Văn Nhân, Nguyễn Thanh Hà và cộng sự. Thực trạng kiến thức và thực hành về tiêm an toàn của nhân viên y tế Bệnh viện Mắt Trung ương, năm 2021, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 523 (1), tr. 59-63.